**NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN NGỮ VĂN KHỐI 11 - TUẦN 18**

**(03/01-08/01/2022)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THỜI GIAN** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** | **HÌNH THỨC** |
| **Tuần 18** | Ôn tập phần Đọc hiểu | Xem nội dung bên dưới |
| Ôn tập HK1 phần Làm Văn | Xem nội dung bên dưới, SGK |

**\* Ôn tập lý thuyết đọc hiểu**

**1. Một số biện pháp tu từ quen thuộc**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Biện pháp tu từ** | **Khái niệm** | **Tác dụng** | **Ví dụ** |
| 1. **So sánh** | Là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng. Từ so sánh thường dùng: như, là, bằng, hơn, thua, kém, bấy nhiêu, bao nhiêu… | Làm cho lời văn giàu hình ảnh, cụ thể, sinh động, tăng sức gợi hình, gợi cảm. | Trẻ em như búp trên cành |
| 1. **Ẩn dụ** | Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác khi giữa chúng có mối quan hệ tương đồng (giống nhau về một phương diện nào đó – so sánh ngầm). | Làm cho cách thể hiện kín đáo, ý nhị, tinh tế hơn, tăng sức gợi hình, gợi cảm. | Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. |
| 1. **Hoán dụ** | Là cách dùng sự vật này để gọi tên sự vật, hiện tượng khác dựa vào nét liên tưởng gần gũi (tương cận). | Nhằm khắc sâu, nhấn mạnh một đặc điểm tiêu biểu của đối tượng được nói tới. Tăng sức gợi hình, gợi cảm. | Đầu bạc tiễn đầu xanh. (Người già tiễn người trẻ) |
| 1. **Nhân hóa** | Là cách gọi, trò chuyện hay tả sự vật (cây cối, loài vật, đồ vật…) bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi, để trò chuyện, để tả những hoạt động, tính chất của con người. | Làm cho cách miêu tả sinh động, hấp dẫn, gợi liên tưởng sâu sắc hơn, đối tượng được miêu tả trở nên gần gũi, thân thiết với con người. | Cậu Vàng thật đáng thương. |
| 1. **Phép Điệp** | Là cách lặp lại từ ngữ. Một từ, một ngữ, một câu hay cấu trúc câu, một đoạn. | Làm cho lời văn giàu nhạc điệu, giàu cảm xúc. Làm nổi bật ý, tạo sự chú ý với người nghe. | Võng mắc chông chênh đường xe chạy.  Lại đi, lại đi trời xanh thêm |
| 1. **Nói quá** | Là phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng | Để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm. | Lỗ mũi mười tám gánh lông  Chồng thương chồng bảo tơ hồng trời cho |
| 1. **Nói giảm, nói tránh** | Là dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển. | Tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề, tránh thô tục, thiếu lịch sự. | Bác Dương thôi đã thôi rồi  Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta |
| 1. **Chơi chữ** | Là cách vận dụng linh hoạt các tiềm năng, đặc sắc về ngữ âm, chữ viết, từ vựng, ngữ pháp của tiếng Việt. | Nhằm tạo sắc thái dí dỏm, hài hước.  Thể hiện thái độ, tình cảm của người viết. | Con cá đối nằm trên cối đá |
| 1. **Liệt kê** | Cách sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại. | Để diễn tả đầy đủ, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế cuộc sống, hay tư tưởng tình cảm. | Hồ Xuân Hương, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến,… là những nhà thơ tiêu biểu của văn học trung đại. |
| 1. **Đảo ngữ** | Thay đổi vị trí các thành phần cú pháp mà không làm thay đổi nội dung thông báo của câu. | Nhấn mạnh nội dung biểu đạt. | Lặn lội thân cò khi quãng vắng.  Eo sèo mặt nước buổi đò đông. |

**2. Các phong cách ngôn ngữ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **PCNN** | **Khái niệm** | **Đặc trưng** | **Ví dụ** |
| 1 | **Sinh hoạt** | Được dùng trong giao tiếp, sinh hoạt hằng ngày, không mang tính nghi thức. | Tính sinh động, cụ thể, cảm xúc | Chuyện trò, nhật kí, thư từ. |
| 2 | **Khoa học** | Được dùng trong lĩnh vực nghiên cứu, học tập và phổ biến khoa học. | Tính khái quát, trừu tượng; lí trí, logic, tính khách quan, phi cá thể. | Sách giáo khoa, tài liệu nghiên cứu. |
| 3 | **Nghệ thuật** | Dùng trong sáng tác văn chương. | Tính truyền cảm, hình tượng, cá thể hóa. | Các tác phẩm thơ, văn. |
| 4 | **Chính luận** | Dùng trong lĩnh vực chính trị, xã hội. | Tính công khai về quan điểm chính trị, chặt chẽ trong diễn đạt và suy luận, truyền cảm mạnh mẽ. | Văn bản Tuyên ngôn độc lập. |
| 5 | **Hành chính** | Dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực hành chính. | Khuôn mẫu, chính xác, công vụ. | Giấy tờ, công văn. |
| 6 | **Báo chí** | Dùng trong các lĩnh vực truyền thông đại chúng | Tính thông tin sự việc, ngắn gọn, hấp dẫn. | Tin tức, phóng sự, quảng cáo. |

**3. Các phương thức biểu đạt**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Kiểu văn bản** | **Đặc điểm của phương thức biểu đạt** | **Hình thức văn bản cụ thể** |
| 1 | **Tự sự** | Trình bày một chuỗi sự việc có liên quan với nhau, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến kết thúc. | Truyện ngắn, tiểu thuyết, bản tin, báo chí… |
| 2 | **Miêu tả** | Dùng những hình ảnh chi tiết, giúp người đọc hình dung ra những đặc điểm, tính chất, nổi bật của sự vật, sự việc, con người, … làm cho đối tượng nói trên như hiện ra trước mắt người đọc. | Bài văn tả cảnh, tả người. Đoạn văn miêu tả trong văn tự sự. |
| 3 | **Biểu cảm** | Trực tiếp hoặc gián tiếp bày tỏ tư tưởng, tình cảm, cảm xúc, thái độ và sự đánh giá của người viết đối với đối tượng được nói tới. | Thơ trữ tình, tùy bút, bút kí… |
| 4 | **Nghị luận** | Dùng lí lẽ, dẫn chứng và lập luận để thuyết phục người đọc nghe theo ý kiến đánh giá, bàn luận của mình. | Lời phát biểu trong hội thảo khoa học, bài tranh luận về vấn đề chính trị, xã hội, văn học… |
| 5 | **Thuyết minh** | Trình bày, giải thích, giới thiệu nhằm làm rõ đặc điểm cơ bản của một đối tượng nhằm cung cấp kiến thức về các hiện tượng, sự vật trong xã hội. | Lời giới thiệu di tích, thắng cảnh. |
| 6 | **Hành chính công vụ** | Trình bày theo mẫu chung để truyền đạt nội dung, yêu cầu nào đó từ cấp trên xuống, bày tỏ ý kiến cá nhân với cơ quan, tập thể và người có quyền hạn giải quyết. | Đơn từ, báo cáo, đề nghị, biên bản, hợp đồng, nghị quyết. |

**4. Một số lỗi thường gặp khi viết văn**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Loại lỗi** | **Biểu hiện cụ thể** | **Ví dụ** | **Cách sửa** |
| 1 | **Lỗi chính tả** | Sai dấu hỏi, ngã, nhầm lần giữa c - t, l - n, ch - tr, d - gi, s - x, y – i…, lỗi viết hoa | Sửa chữa, lẫn lộn và nẫn nộn… |  |
| 2 | **Lỗi từ vựng** | Dùng từ không chính xác, dùng hai từ đồng nghĩa trong một câu, lạm dụng tiếng nước ngoài | Yếu điểm – điểm yếu  Fans hâm mộ… |  |
| 3 | **Lỗi ngữ pháp** | Sai dấu câu, thiếu chủ ngữ, thiếu vị ngữ, thiếu cụm chủ vị nòng cốt. | Qua bài thơ Tự tình của Hồ Xuân Hương đã cho ta thấy thân phận làm lẽ của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến | Bỏ chữ “Qua”, hoặc thay chữ “của” bằng dấu phẩy. |
| 4 | **Lỗi logic** | Từ có nghĩa không phù hợp với ngữ cảnh, sắp xếp theo trình tự không hợp lý, liệt kê các khái niệm không đồng cấp. | Còn lại duy nhất tôi và bạn | Bỏ chữ “duy nhất” |

|  |  |
| --- | --- |
| **5. THAO TÁC LẬP LUẬN** | |
| 1. **Giải thích** | Giải thích là vận dụng tri thức để hiểu vấn đề nghị luận một cách rõ ràng và giúp người khác hiểu đúng ý của mình. |
| 1. **Chứng minh** | Chứng minh là đưa ra những cứ liệu – dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ một lí lẽ một ý kiến để thuyết phục người đọc người nghe tin tưởng vào vấn đề. |
| 1. **Bình luận** | Bình luận là bàn bạc đánh giá vấn đề, sự việc, hiện tượng… đúng hay sai, hay / dở; tốt / xấu, lợi / hại…; để nhận thức đối tượng, cách ứng xử phù hợp và có phương châm hành động đúng. |
| **4. Phân tích** | Phân tích là chia tách đối tượng, sự vật hiện tượng thành nhiều bộ phận, yếu tố nhỏ để đi sâu xem xét kĩ lưỡng nội dung và mối liên hệ bên trong của đối tượng. |
| 1. **Bác bỏ** | Bác bỏ là chỉ ra ý kiến sai trái của vấn đề trên cơ sở đó đưa ra nhận định đúng đắn và bảo vệ ý kiến lập trường đúng đắn của mình. |
| 1. **So sánh** | So sánh là một thao tác lập luận nhằm đối chiếu hai hay nhiều sự vật, đối tượng hoặc là các mặt của một sự vật để chỉ ra những nét giống nhau hay khác nhau, từ đó thấy được giá trị của từng sự vật hoặc một sự vật mà mình quan tâm. |

**\* Ôn tập Nghị luận văn học**

**Đề 1: Phân tích hình tượng nhân vật Liên trong truyện ngắn “Hai đứa trẻ” – Thạch Lam.**

1. **Mở bài:**

Nêu tác giả Thạch Lam, truyện ngắn Hai đứa trẻ, Liên là nhân vật tiêu biểu.

1. **Thân bài:**

**1. Đoạn 1: Giới thiệu rõ hơn về tác giả, tác phẩm**

- **Thạch Lam (1910-1942)**

+ Tên thật là Nguyễn Tường Vinh, sinh ở Hà Nội, thưở nhỏ sống ở phố huyện Hải Dương. Là cây bút chủ chốt của nhóm Tự lực văn đoàn. *Đôn hậu, tinh tế, có quan niệm văn chương lành mạnh, tiến bộ*.

+ Truyện thường không có cốt truyện, đi sâu khai thác thế giới nội tâm nhân vật. Hai yếu tố hiện thực, trữ tình đan xen.

+ Tập truyện tiêu biểu: "Gió đầu mùa", "Nắng trong vườn".

**- Tác phẩm**

+ Trích trong tập ***"Nắng*** trong vườn". Cảm hứng nhân đạo, như tia nắng soi rọi vào những kiếp người bất hạnh.

+ Chủ đề: Niềm xót thương của tác giả dành cho những kiếp người nghèo khổ, tối tăm, lam lũ, quẩn quanh trong phố huyện.

**2. Đoạn 2: Hoàn cảnh, tính cách của nhân vật Liên**

***- Hoàn cảnh:*** Bố mất việc, chuyển từ Hà Nội về phố huyện, hai chị em mở tạp hóa nhỏ trong gian hàng thuê của người khác.

***- Tính cách:***

+ Đảm đang: Giúp mẹ trông coi cửa hàng cẩn thận.

+ Giàu tình cảm: Thương mẹ, biết vâng lời mẹ. Thương em, lo lắng cho em, thương mấy đứa trẻ nhà nghèo...

**3. Đoạn 3: Tâm trạng nhạy cảm, thế giới nội tâm phong phú.**

\* Cảm nhận rất rõ bước chuyển của thời gian đi qua phố huyện từ chiều đến đêm khuya, tâm hồn luôn xao động với những diễn biến đó. Luôn hoài niệm về Hà Nội với "vùng sáng rực và lấp lánh", về những kí ức đẹp tuổi thơ, khao khát chờ đợi chuyến tàu đêm.

**\* Bức tranh phố huyện nghèo tăm tối:**

***- Ngày tàn:***"***Tiếng trống thu không*** trên cái chòi của huyện nhỏ... Phương Tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn". Thời gian tâm trạng, không gian tĩnh lặng.

***- Chợ tàn:*** Những đứa trẻ lom khom nhặt nhạnh những thanh nứa, thanh tre.

***- Những kiếp người tàn:*** Mẹ con chị Tí: "Ngày mò cua bắt tép", tối dọn hàng nước, nhưng cũng "chả kiếm được bao nhiêu". Bác Siêu: Gánh phở của Bác như một món quà xa xỉ, nhiều tiền. Những đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ: "cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm tòi, nhặt nhạnh thanh nứa, thanh tre,... ". Bà cụ Thi điên: say, lảo đảo trong đêm tối. Gia đình Bác xẩm nheo nhóc, góp chuyện bằng mấy tiếng đàn bầu. ***=> Vòng đời cơ cực, lam lũ, tẻ nhạt, đơn điệu.***

**\* Tâm trạng gắn với đoàn tàu:**

*- Niềm vui chờ đợi tàu:*

+ Rất thiêng liêng (Tàu đến đánh thức em dậy, hai chị em cùng hướng về nhìn tàu).

+ Thoát khỏi cuộc sống quẩn quanh, bế tắc (trở về thế giới tươi đẹp, tuổi thơ ở Hà Nội, con tàu chạy đến từ thế giới tươi đẹp đã mất, sáng sủa, âm thanh nhộn nhịp hơn, xua tan bóng đêm, sự tĩnh lặng, ***một giấc mơ)-> chờ đợi tàu xuất phát từ nhu cầu của đời sống tinh thần.***

*-Nỗi buồn khi con tàu đi:* Trở về với cuộc sống hiện tại (bóng đêm, tĩnh lặng) -> nuối tiếc.

***\* Ý nghĩa chuyến tàu:***

- "Con tàu mang đến một cái gì tươi sáng cho cuộc sống nghèo khổ hàng ngày của họ", đánh thức khao khát về một ngày mai tươi sáng.

- Với chị em Liên, con tàu như một ước mơ, là kí ức về Hà Nội, về những ngày tháng tươi đẹp.

**4. Đoạn 4: Giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo**

- Phản ánh chân thực cuộc sống của những con người nhỏ bé, bất hạnh. Bức tranh hiện thực mang đậm chất trữ tình. (Hiện thực cảm nhận qua tâm trạng, cảm xúc, viết bằng chính kí ức tuổi thơ).

- Đau xót, thương cảm với những kiếp người nghèo khổ. (Miền đất, miền đời quên lãng).

- Khẳng định, trân trọng, ca ngợi, chia sẻ, đồng cảm với vẻ đẹp tâm hồn, ước mơ về một ngày mai tươi sáng. (Dù cuộc sống có vô vọng họ vẫn tin, hi vọng).

**5. Tổng kết nội dung, nghệ thuật**

***- Nghệ thuật:*** Truyện không có cốt truyện, đi sâu vào khai thác thế giới nội tâm của nhân vật, nghệ thuật tương phản ánh sáng - bóng tối, đoàn tàu - phố huyện, hiện thực kết hợp trữ tình, ngôn ngữ giản dị, trong sáng, giàu chất thơ.

***- Nội dung:*** Thạch Lam đã phản ánh chân thực, cảm động, cuộc sống tăm tối, tù đọng của những kiếp người nơi phố huyện. Tác động mạnh đến suy nghĩ, tình cảm của người đọc, gợi lòng trắc ẩn, nhen nhóm hi vọng giúp con người vượt lên cái tẻ nhạt, tầm thường của cuộc sống.

**III. Kết bài**

Khẳng định lại giá trị, ý nghĩa, đóng góp tác phẩm.

**Đề 2: Phân tích hình tượng nhân vật Huấn Cao trong tác phẩm Chữ người từ tù – Nguyễn Tuân.**

1. **Mở bài**

Nêu tác giả Nguyễn Tuân, truyện ngắn Chữ người tử tù, nhân vật tiêu biểu Huấn Cao.

1. **Thân bài**

**1. Đoạn 1: Giới thiệu kĩ hơn về tác giả, tác phẩm.**

**- Tác giả (1910-1987)**

+ Sinh ra trong gia đình nhà Nho, tại Hà Nội. Từng là Tổng thư kí hội Văn nghệ Việt Nam.

+ Là nhà văn lớn, suốt đời đi tìm cái đẹp. Có vị trí quan trọng và đóng góp lớn. Thúc đẩy thể tùy bút, bút kí, làm phong phú ngôn ngữ văn học dân tộc, đem đến một phong cách tài hoa, độc đáo.

+ 1996: nhận giải thưởng Hồ Chí Minh.

+ Tác phẩm tiêu biểu: *“Một chuyến đi, Vang bóng một thời, Sông Đà…”*

**- Tác phẩm**

+ Lúc đầu có tên: *“Dòng chữ cuối cùng”.*

+ Tập *“Vang bóng một thời” (1940):* Gồm 11 truyện ngắn, là tác phẩm kết tinh tài năng của Nguyễn Tuân trước Cách mạng tháng Tám. Nhân vật chính trong tác phẩm là những nho sĩ cuối mùa, những con người tài hoa bất đắc chí, gặp lúc Hán học suy vi, “Tây Tàu nhố nhăng”, mặc dù họ buông xuôi bất lực, nhưng vẫn mâu thuẫn sâu sắc với xã hội đương thời. Họ không chạy theo danh lợi, mà vẫn cố giữ “thiên lương”, và sự trong sạch của tâm hồn. Cố lấy cái tôi tài hoa, ngông nghênh, đối lập với xã hội phàm tục, phô diễn lối sống đẹp, thanh cao, như một thái độ phản ứng lại xã hội đương thời.

**2. Đoạn 2: Hoàn cảnh, phẩm chất, cái đẹp tài hoa của Huấn Cao**

**- Hoàn cảnh:** Là người anh hùng thất thế, vốn là thủ lĩnh những người “phản nghịch”, đứng lên chống lại triều đình, bị kết án tử, sắp ra pháp trường.

**- Phẩm chất: Cái đẹp tài hoa:** Là người viết chữ rất đẹp, người khác ao ước có được chữ Huấn Cao để treo trong nhà, xem đó là vật báu trên đời.

+ Qua lời nhận xét của thầy thơ lại: ***“văn võ đều có tài cả”.***

+ Tài thư pháp: ***“Hay là cái người mà vùng tỉnh sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không”. “Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm”. “Có một chữ của ông Huấn Cao mà treo là có một vật báu trên đời”.***

**3. Đoạn 3: Khí phách hiên ngang**

+ Dám chống lại triều đình mà ông căm ghét khinh bỉ.

+ Hành động dỗ gông trước lời dọa tên lính.

+ Chí lớn không thành nhưng tư thế lúc nào cũng hiên ngang, bất khuất. (Không run sợ, bình thản, thái độ khinh bạc, ung dung, ăn uống đàng hoàng, nói năng thoải mái).

***“Ngươi hỏi ta muốn gì?”***

**4. Đoạn 4: Nhân cách cao đẹp**

- Ý thức được giá trị tác phẩm của mình (không mua bán, chỉ để tặng tri kỉ: suốt đời chỉ viết hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân). ***“Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ”***.

- Ngạc nhiên về cách biệt đãi, khi hiểu chuyện, biết được sở thích cao quý của quản ngục, ông trân trọng đáp lại. ***“Thiếu chút nữa ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ”*** -> quyết định cho chữ.

- Lời khuyên có giá trị cảm hóa con người: ***Kẻ mê muội này xin bái lĩnh”.***

**\* Nhân vật viên quản ngục**: Làm quản ngục, sống giữa gông xiềng, tội ác, ***“ người ta sống bằng lọc lừa, bằng tàn nhẫn”***, hằng ngày phải làm việc và chứng kiến bao điều xấu xa. Có tâm hồn cao quý: say mê và trân trọng cái tài, cái đẹp. Quý trọng tài năng, nhân cách: (Mâu thuẫn, dằn vặt: Làm trọn đạo tri kỉ, bất chấp tính mạng, xin chữ, biệt đãi). Trước thái độ khinh bạc của Huấn Cao, ông vẫn chân thành, cung kính và tìm cách biệt đãi. Là người biết giữ thiên lương, hướng thiện. Làm việc ở nơi u tối, nhưng vẫn giữ được ***“thiên lương”.*** Như đóa hoa sen mọc lên từ bùn lầy. ***“Một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn độn xô bồ…”.***

**\* Cảnh cho chữ**: **Thời gian:** Giữa đêm khuya, lúc trại giam ***“chỉ còn vẳng tiếng mõ trên vọng canh***”. **Không gian:** Phòng giam tử tù (buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột, phân gián…). **Người xin chữ - Người cho chữ:** Viên quản ngục – tử tù.

**Ý nghĩa: Một cảnh tượng xưa nay chưa từng có**: Không diễn ra công khai mà lén lút trong đêm tối, nơi buồng giam tăm tối, dơ bẩn, trật tự kỉ cương thay đổi. Tù nhân thành người làm chủ tình thế, ban phát, răn dạy, quản ngục khúm núm, vái lạy. Không gì có thể ngăn cản nổi cái đẹp, cái đẹp không cô đơn dù trong bất kì hoàn cảnh khốc liệt, bi đát nào. Sự chiến thắng tuyệt đối của ánh sáng đối với bóng tối, cái đẹp với cái xấu xa, cái thiện với cái ác.

***5. Đoạn 5: Tổng kết nội dung, nghệ thuật.***

***\*Quan niệm của Nguyễn Tuân về cái đẹp:***

+ Huấn Cao được xây dựng từ nguyên mẫu nhân vật Cao Bá Quát.

+ Cái tài phải đi đôi với cái tâm, cái đẹp gắn liền cái thiện.

+ Cái đẹp có thể nảy sinh trên nền của cái xấu, cái ác, nhưng không bao giờ chung sống với cái xấu. (Lời khuyên: Bỏ nghề dơ bẩn, bỏ nơi tăm tối, tội lỗi, giữ cái thiên lương). Con người muốn chăm lo cho cái đẹp phải giữ cái thiện.

+ “Nguyễn Tuân tôn thờ tuyệt đối cái đẹp” -> không đúng, ông đề cao cái đẹp, nhưng cái đẹp phải gắn liền cái thiện.

+ Cái đẹp có sức mạnh cảm hóa, cái đẹp là bất tử. Sức mạnh cảm hóa: Cho chữ, ***"kẻ mê muội này xin bái lĩnh"*** -> sự chiến thắng cái đẹp, cái xấu bị đánh bại. Cảnh cho chữ diễn ra nơi ngục tù tăm tối (nơi ngự trì của cái xấu, cái ác), nơi cái đẹp được khai sinh, được thăng hoa. Cái đẹp là bất tử: Người tử tù đi vào bất tử. Cái chết về thân xác, nhưng nét chữ đẹp, tư tưởng đẹp còn lại mãi với đời.

- Lòng yêu nước thầm kín nhưng thiết tha. Huấn Cao - một hình tượng nghệ thuật hội đủ cả cái tài, cái tâm, thể hiện rõ quan điểm thẩm mĩ của Nguyễn Tuân.

**\* Nghệ thuật**

- Tình huống truyện độc đáo.

- Nghệ thuật tương phản đối lập, hoàn cảnh – tính cách, cảnh cho chữ.

- Ngôn ngữ tạo hình, sử dụng từ Hán Việt.

**III. Kết bài**

Khẳng định lại ý nghĩa tác phẩm, liên hệ.

**Đề 3:** Phân tích diễn biến tâm trạng của Chí Phèo – “Chí Phèo” (Nam Cao) từ khi gặp thị Nở cho đến hết tác phẩm để thấy được bi kịch bị từ chối quyền làm người, và khát vọng hoàn lương của nhân vật.

**I. Mở bài:**

Nêu tác giả Nam Cao, tác phẩm Chí phèo, đoạn văn tiêu biểu từ khi Chí Phèo gặp Thị Nở đến hết truyện, bi kịch bị khước từ quyền làm người, khát vọng hoàn lương của nhân vật.

**II. Thân bài:**

1. **Đoạn 1: Giới thiệu kĩ hơn về tác giả, tác phẩm.**

* **Tác giả:**

+ Nam Cao là một trong những nhà văn hiện thực xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại. Là nhà văn gắn bó sâu sắc với quê hương, đất nước. Ông là người có tấm lòng đôn hậu, chan chứa tình yêu thương.

+ Có quan điểm nghệ thuật thuật tiến bộ: Nghệ thuật vị nhân sinh, văn chương phải gắn với hiện thực cuộc sống đau khổ của người dân. Đề cao tính sáng tạo của nhà văn. Một tác phẩm có giá trị là một tác phẩm có tư tưởng nhân đạo, vì con người. Văn học phục vụ cách mạng.

+ Trước Cách mạng tháng Tám, Nam Cao viết về đề tài người nông dân, người tri thức. Sau cách mạng, ngòi bút ông gắn liền với nhiệm vụ cách mạng của dân tộc.

+ Ông có phong cách nghệ thuật hay đi sâu phân tích thế giới nội tâm nhân vật, giọng bình thản, lạnh lùng, ...

* **Tác phẩm:**

**+ Nhan đề:** Lúc đầu có tên là “Cái lò gạch cũ”, sau đổi thành “Đôi lứa xứng đôi”, cuối cùng lấy tên “Chí Phèo”. (SGK).

**+ Chủ đề:** Qua số phận bi thảm của nhân vật Chí Phèo, Nam Cao đã lên án sâu sắc xã hội tàn bạo chà đạp lên nhân phẩm con người, đẩy họ vào con đường bần cùng hóa, tha hóa. Đồng thời khẳng định tư tưởng nhân đạo, niềm tin vào bản chất lương thiện của con người.

**2. Đoạn 2: Hoàn cảnh, bi kịch bị lưu manh hóa (Trước khi gặp Thị Nở) (Đi sơ lược phần này)**

***- Hoàn cảnh:*** Là một đứa trẻ bị bỏ rơi, lớn lên bằng cách chuyền tay từ người này đến người khác, như một món hàng, bị đổi chát, tội nghiệp, đáng thương. 20 tuổi: Làm thuê cho nhà Bá Kiến, sống kiếp trâu ngựa vô cùng cực nhục. -> Một con người hiền lành, lương thiện, có những ước mơ rất đời thường.

***- Bi kịch bị lưu manh hóa:*** Từ một nông dân lương thiện, chỉ vì một cơn ghen vô cớ của Bá Kiến, Chí Phèo bị đẩy vào tù. Khi ra tù Chí Phèo biến dạng, triền miên trong cơn say, trở thành một kẻ tội lỗi. Thay đổi cả về nhân hình, nhân tính, trở thành con quỷ dữ.

+ **Nhân hình:** *“Cái đầu trọc lóc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cơng cơng, hai mắt gờm gờm trông gớm chết. Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng phượng…”*

+ **Nhân tính**: Biến dạng về nhân hình dần chuyển sang những biến dạng về nhân tính. Tâm tính bị hủy hoại: Bị mua chuộc, trở thành tay sai, nô lệ, trở thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại.

**=>Nhận xét:** Chí Phèo là một hiện tượng có tính quy luật, là sản phẩm của qua trình áp bức tàn khốc ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng 8. Xã hội đen tối đương thời không cho con người sống tử tế hiền lành. Người dân lương thiện rất dễ bị lợi dụng, bị đẩy vào con đường bần cùng hóa, dẫn đến lưu manh hóa.

**3. Đoạn 3: Bi kịch bị từ chối quyền làm người (Sau khi gặp Thị Nở) (Đây là phần chính)**

***+ Thị Nở: Nhân vật “xấu ma chê quỷ hờn”, nhưng lại có tình người, là người duy nhất đến với Chí Phèo, mang đến cho Chí Phèo tình yêu thương, đánh thức ở Chí bao khát vọng, bản chất lương thiện bị vùi lấp.***

+ **Mối tình Chí Phèo Thị Nở**: Khát vọng hoàn lương của Chí Phèo: Khơi dậy ở Chí Phèo những cảm xúc rất người. (**1. Tỉnh rượu – 2. Tỉnh ngộ - 3. Hi vọng – 4. Tuyệt vọng - 5. Hành động).**

**\* Tỉnh rượu:** Lần đầu tiên sau bao năm không còn ý thức được bản thân, CP thấy lòng *“bâng khuâng, mơ hồ buồn”,* tỉnh táo, nghe được âm thanh bình thường của cuộc sống: *“tiếng chim hót, tiếng người nói chuyện…”*. Tiếng gọi tha thiết của cuộc sống.

**\* Tỉnh ngộ:** Nhìn về quá khứ, hiện tại, tương lai. Nhìn lại cuộc đời, những mơ ước xa xưa, về lại thực tại, cảm thấy buồn lo sợ khi nghĩ đến tuổi già, sự cô độc, đói rét ốm đau, đối diện với chính mình và nhận ra tình trạng bi đát của bản thân.

**\* Hi vọng:** Đón nhận bát cháo hành: Ngạc nhiên, xúc động, khơi dậy khao khát tình người, khao khát hơi ấm gia đình, đánh thức phần nhân tính còn lẩn khuất sâu trong con người Chí Phèo. **Ý nghĩa của bát cháo hành**: Khi nhận bát cháo hành từ Thị Nở hắn đã nhận bằng cả hai tay không ăn vội mà đưa lên ngửi, xong mới húp một húp. Đó là hạnh phúc lần đầu tiên hắn được bàn tay chăm sóc của một người đàn bà. Bát cháo đã làm cho Chí Phèo toát mồ hôi nhưng thông qua đó còn “ lọc máu”, làm lắng lại phần con để thức tỉnh con người. Bát cháo hành là một sự cộng hưởng bao nhiêu điều mà bấy lâu Chí Phèo không có: tình người, tình yêu, tình mẫu tử. Cho nên sau khi ăn cháo Chí Phèo đã sống dậy khao khát muốn làm người lương thiện. có thể nói bát cháo hành như một liều thuốc phục sinh nhân cách cho Chí Phèo.

**\* Tuyệt vọng:** Khi bị Thị Nở từ chối: Khi tình yêu đến Chí Phèo rời xa rượu, khi tình yêu đi rượu lại về nhưng lần này càng uống lại càng tỉnh, tỉnh ra lại càng thấy buồn vì chỉ thấy thoang thoảng mùi cháo hành CP nhận ra tình yêu hạnh phúc đã dần rời xa mình nên đau đớn vật vã vác dao đi đòi lương thiện sống. CP khao khát được làm người lương thiện: *“Trời ơi! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết* bao”. Hắn mong được thu nhập trở về xã hội, TN sẽ mở đường cho hắn là cầu nối để hắn về lại cuôc đời. Nhưng giấc mộng làm người lương thiện đã vỡ tan, bà cô không cho TN lấy CP, CP cố níu kéo TN nhưng không được, CP đau đớn lại uống rượu. Nhưng *“càng uống càng tỉnh ra”, “chao ôi buồn”, “hắn ôm mặt khóc rưng rức”.*

**\* Hành động:** CP cầm dao đi đòi quyền lương thiện theo cách của mình thay vì đến nhà TN, CP đến thẳng nhà Bá Kiến giết Bá Kiến rồi tự kết liễu cuộc đời mình*: “Tao muốn làm người lương thiện, ai cho tao lương thiện”, “tao không thể làm người lương thiện nữa”* CP chết bi thảm trong niềm khao khát làm người lương thiện nhưng không thể trở lại cuộc sống con người.

**4. Đoạn 4: Giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo, giá trị nghệ thuật**

**\* Giá trị hiện thực.**

- Nam Cao đã phản ánh chân thực số phận bi thảm, bi đát của người nhân dân nghèo bi đẩy vào con đường lưu manh hóa. Đó là quá trình tha hóa từ nhân hình đến nhân tính khiến họ muốn sống lương thiện cũng không thể được, dẫn đến kết cục không lối thoát. Bức tranh xã hội, phát hiện và khẳng định bản chất lương thiên của con người ngay cả khi họ đã bị xã hội tàn ác cướp mất cả nhân hình và nhân tính.

- CP không định đến nhà BK vì ý nghĩ đầu tiên là đến nhà TN để đâm chết TN, nhưng bước chân thức tỉnh đã đưa CP đến nhà BK. Từ kết cục bi thảm của CP, người đọc có thể cảm nhận được 2 điều: Cảm quan hiện thực sâu sắc: tình trạng xung đột giai cấp ở nông thôn Việt Nam là hết sức gay gắt, nó chỉ có thể giải quyết bằng những biện pháp quyết liệt. Tư tưởng nhân đạo độc đáo mới mẻ phát hiện và khẳng định bản chất lương thiên của con người khốn khổ ngay cả khi tưởng như họ đã bị xã hội tàn ác cướp mất cả nhân hình và nhân tính.

**\* Giá trị nhân đạo**

- Nam Cao đã tố cáo mạnh mẽ xã hội thực dân phong kiến độc ác, bất nhân đẩy con người vào vòng tù tội, chà đạp lên nhân phẩm, quyền sống của con người, đồng thời lên án định kiến xã hội đã bóp chết ước mơ hoàn lương của con người.

- Đồng cảm với những ước mơ của người lao động. Nc thể hiện niềm tin yêu vào bản chất tốt đẹp của họ, dù bị vùi dập, tha hóa nhưng giá trị làm người của con người vẫn tồn tại, vẫn có một sức sống thật mãnh liệt.

- Để cho CP tự kết liễu đời mình, NC đã bộc lộ niềm thương yêu vô hạn đối với nhân vật của mình: NC đã để CP chết như một con người ý thức được nhân phẩm và chết để khẳng định nhân phẩm.

**\* Giá trị nghệ thuật**

**- Nghệ thuật xây dựng nhân vật:**

+ Khắc họa cá tính bằng những chi tiết đầy ấn tượng: Bá Kiến gian hùng với: “nụ cười Tào Tháo”, giọng nói ngọt ngào, giọng quát “rất sang” … CP với ngoại hình đặc biệt, gây ấn tượng về sự lưu manh hóa.

+ Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật: Dùng độc thoại nội tâm để nêu bật những toan tính của Bá Kiến, những dằn vặt, xót xa của Chí Phèo. NC thật sắc sảo tinh tế khi đi sâu phân tích diễn biến tâm lý của nhân vật.

**- Nghệ thuật dựng truyện:** Tổ chức, sắp xếp, dẫn dắt truyện độc đáo khéo léo, tự nhiên: Truyện được kể một cách linh hoạt không theo thứ tự thời gian một chiều. Kết cấu vòng tròn gợi nhiều suy nghĩ cho người đọc.

**- Nghệ thuật sử dụng ngôn từ:** Ngôn ngữ sống động, tự nhiên. Ngôn ngữ kể chuyện đan xen nhiều giọng điệu.

\* Mở rộng liên hệ bản thân: Quyền sống của con người ở xã hội hiện tại, trân trọng, phấn đấu sống tốt…

**III. Kết bài**

Khẳng định lại ý nghĩa tác phẩm, liên hệ.

**---Hết---**